TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**

Bảnánsố: 05/2022/HS-ST
Ngày 12-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ThànhphầnHộiđồngxétxửsơthẩmgồmcó:

*Thẩmphán – Chủtoạphiêntòa:*BàBùiThị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Ông Nguyễn Thị Mai Vinh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 177/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 891/2021/QĐ-HSST ngày 28 tháng 12 năm 2021đối với bị cáo:

VVS, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1973 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Khu A, Thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 4, ngõ 18 đường 25/10 Thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: D (đã chết) và con bà: E; có vợ thứ nhất là: F (đã ly hôn 2015); vợ thứ hai là: BH (đã ly hôn năm 2020); vợ thứ ba là: G (bị hủy hôn năm 2021); có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 17/9/2021; bị cáocó đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Chị BH, sinh năm 1973;địa chỉ: H; vắng mặt.

- *Pháp nhân được ủy quyền của bị hại:* Công ty Luật TNHH I (K) (Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2019). Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH I (K): Ông J, sinh năm 1978 – Giám đốc Công ty Luật TNHH I (K), Luật sư Công ty Luật TNHH I (K)– Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, VVS nhập cảnh vào Hàn Quốc theo hộ chiếu thương mại, du lịch thời hạn 01 tháng. Sau khi hết thời hạn trên, VVS tiếp tục ở lại, cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Khoảng đầu năm 2014, VVS quen biết và có quan hệ tình cảm với chị BH, có quốc tịch Hàn Quốc (gốc Việt Nam) đến khoảng giữa năm 2015, hai bên quyết định việc kết hôn với nhau. Để làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc, VVS đã gọi điện về Việt Nam cho mẹ đẻ là bà E ở xã L, huyện C, thành phố Hải Phòng nhờ xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và bản án ly hôn giữa VVS với người vợ đầu là chị F để gửi sang Hàn Quốc cho VVS. Sau khi có đầy đủ giấy tờ, thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hàn Quốc, VVS và chị BH đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền tại M, Hàn Quốc chấp thuận cho hai bên kết hôn, trở thành vợ chồng từ ngày 25/01/2016. Việc kết hôn giữa VVS và chị BH đã được ghi vào sổ hộ tịch tại Đại Sứ Quán Việt Nam tại Hàn Quốc vào ngày 19/02/2016. Ngày 26/01/2016, VVS bị Cảnh sát Hàn Quốc bắt giữ về hành vi cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc đến tháng 4/2016, thì bị trục xuất về Việt Nam. Sau khi về Việt Nam, VVS và chị BH vẫn giữ liên lạc và quan hệ tình cảm với nhau. Chị BH cũng thường xuyên về Việt Nam gặp VVS và sống chung với nhau tại phường N, O, Hải Phòng (là nhà của bố mẹ đẻ chị BH). Khoảng đầu năm 2019, giữa VVS và chị BH đã nảy sinh mâu thuẫn về tiền bạc, từ đó không thường xuyên liên lạc với nhau. Đến khoảng giữa năm 2019, VVS quen biết và nảy sinh tình cảm với chị G, sinh năm 1984 trú tại thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng, sau đó hai bên quyết định tiến tới hôn nhân và được UBND xã L, huyện C, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2019, đến ngày 08/11/2019 thì tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, họ hàng.Tháng 12/2019, sau khi biết VVS đã kết hôn với người khác tại Việt Nam, chị BH đã gửi đơn ly hôn với VVS tại Hàn Quốc và được Tòa án P phán xét ly hôn. Đồng thời, chị BH đã gửi đơn tố giác về việc VVS vi phạm chế độ một vợ, một chồng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đề nghị xử lý. Ngày 08/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-HNGĐ hủy việc kết hôn trái pháp luật của VVS và chị G.

Quá trình điều tra, VVS khai nhận trong thời gian cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc, VVS và chị BH có quan hệ tình cảm với nhau và tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc. Khi VVS bị Cảnh sát Hàn Quốc bắt giữ về hành vi cư trú bất hợp pháp, do hai vợ chồng chưa có con chung nên VVS mới bị trục xuất về Việt Nam. Tại thời điểm làm thủ tục kết hôn với chị G, VVS đã khai báo tại UBND xã L, huyện C, thành phố hải Phòng về việc

đã làm mất giấy xác nhận tình trạng độc thân mà trước đó VVS đã được cấp để làm thủ tục kết hôn với chị BH, đồng thời khẳng định chưa làm thủ tục kết hôn với chị BH.

Tại bản Cáo trạng số 175/CT-VKSHP-P2 ngày 25/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố VVS về tội "Vi phạm chế độ một vợ một chồng" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 182 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tốbị cáo như nội dung b ản Cáo trạng và đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 182; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt VVS từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo là lao động tự donên thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm người đại diện hợp pháp của bị hại:

Người đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với bị cáo và lời khai của bị cáo có trong hồ sơ là đúng và phù hợp với lời khai của bị hại.Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử phạt bị cáo VVS theo quy định của pháp luật.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên tại các biên bản hỏi cung bị cáo, các bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị cáo VVS đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo VVS có đơn xin xét xử vắng mặt,bị hại là chị BHvắng mặt nhưng đã có người đại diện cho bị hại theo ủy quyền. Xét thấy, bị cáo và bị hại đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của bị cáo, của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:*

[3] Tại phiên tòa, mặc dùbị cáo VVS vắng mặt nhưng tại các biên bản lấy lời khai và các bản tự khai của bị cáo, bị cáo VVS đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:VVS là người đang trong thời gian có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị BH nhưng VVS đã có hành vi khai báo gian dối về tình trạng hôn nhân của bản thân để được đăng ký kết hôn với chị G tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng thời VVS tổ chức đám cưới với chị G trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, họ hàng và chính quyền địa phương. Việc VVS kết hôn với chị G dẫn đến hậu quả là chị BH phải đơn phương ly hôn với VVS tại Tòa án P của Hàn Quốc. Việc kết hôn giữa VVS và chị G đã được xác định là kết hôn trái pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ra Quyết định hủy hôn nhân trái pháp luật vào ngày 08/02/2021. Do đó, hành vi của VVS đã phạm tội "Vi phạm chế độ một vợ, một chồng" theo khoản 1 Điều 182 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng song hành vi phạm tội của bị cáo đãxâm phạm đến chế độ hôn nhân một vợ, một chồng, một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đìnhnăm 2014 trong đó có nguyên tắc ***"hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng".*** Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm phá vỡ quan hệ hôn nhân một vợ một chồng của chính bị cáo với bị hại là chị BH đang được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đáp ứng việc phòng ngừa tội phạm nói chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

[5] Bị cáo VVS không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[6] Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáophạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; xét

bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải cách lybị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.Xét bị cáo là lao động tự do nên thu nhập không ổn định nên khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- *Các vấn đề khác:*

[7] Đối với việc chị G kết hôn trái pháp luật với VVS. Xét thấy, tại thời điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng với VVS, chị Hà không biết VVS trước đó đã kết hôn với chị BH nên không có căn cứ xử lý đối với chị G.

- *Về án phí:*

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:*

[9] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 182; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo: **VVS 06 (Sáu)** tháng cải tạo không giam giữvề tội "Vi phạm chế độ một vợ, một chồng".Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan tổ chức nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo VVS cho Ủy ban nhân dân Thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo VVS thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100của Luật Thi hành án hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo VVS từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- *Về án phí:*Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo VVS phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìnđồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được

niêm yết hợp lệ. Người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15*(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏ a thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi , bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- Vụ 1- TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công anTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP HảiPhòng;
- SởTưpháp TPHP;
- Bịcáo;
- Ngườithamgiatốtụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BùiThị Thu Hằng